

**ĐỀ ÁN**

**Xã hội hóa xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu  
thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025**

**Phần I**

**SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Thời gian qua, được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh cùng với sự tập trung chỉ đạo, điều hành của thành phố, công tác đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhà văn hóa khu phố đã được chú trọng. Đến nay, trên địa bàn thành phố có khoảng 548,5km đường giao thông, trong đó giai đoạn 2002 – 2020 có khoảng 80,8km đường bê tông được đầu tư theo hình thức xã hội hóa (nhân dân đóng góp 60% chi phí xây lắp, phần còn lại do ngân sách nhà nước chi trả); 152,5km hệ thống điện chiếu sáng đường phố và khu dân cư, trong đó 100% ngân sách đầu tư là 88,9km, đầu tư theo hình thức xã hội hóa là 53,6km (nhân dân đóng góp 50% chi phí xây lắp, phần còn lại do ngân sách nhà nước chi trả); đầu tư theo hình thức nhân dân tự đóng góp 100% kinh phí là 10,0km.

Đầu tư hệ thống thoát nước với chiều dài khoảng 101,5km, gồm cả thoát nước đường phố và thoát nước khu dân cư, trong đó 100% ngân sách đầu tư là 91,3km; 4,3km nhân dân tự đóng góp 100% kinh phí, đầu tư theo hình thức xã hội hóa là 2,7km (nhân dân đóng góp 30% chi phí xây lắp, phần còn lại do ngân sách nhà nước chi trả). Hiện nay, trên toàn thành phố có 62/62 khu phố có nhà văn hóa, từ đó góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, giải quyết tình trạng ngập úng cục bộ và thường xuyên tại các khu vực dân cư trên địa bàn, góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự đô thị, tạo cảnh quan đô thị khang trang, đáp ứng tốt nhu cầu hội họp, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và phục vụ trực tiếp cho đời sống sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của nhân dân.

Mặc dù đối chiếu hiện trạng chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật của thành phố so với các tiêu chí của đô thị loại II cơ bản đã đạt được, tuy nhiên hiện trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị của thành phố nói chung, hệ thống giao thông, thoát nước, điện chiếu sáng khu dân cư, nhà văn hóa khu phố nói riêng vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của một đô thị tỉnh lỵ, vẫn còn nhiều tuyến đường trong khu dân cư chưa được bê tông hóa, tỷ lệ phủ kín của mạng lưới thoát nước khu dân cư thấp, hệ thống thoát nước chủ yếu chỉ đầu tư ở các tuyến thoát nước chính và trên một số tuyến đường chính đô thị, mật độ mạng lưới thoát nước cấp 3 ở các khu dân cư còn thấp, vẫn còn tình trạng ngập

úng cục bộ, nước thải sinh hoạt chảy tràn ra đường gây ô nhiễm môi trường; hệ thống điện chiếu sáng ở một số tuyến đường kiệt vẫn chưa được hoàn thiện.

Một số khu phố đã có nhà văn hóa nhưng đã bị xuống cấp, chưa có các công trình phụ trợ, hiện nay có 06 nhà văn hóa khu phố cần thiết phải xây mới, 30 nhà văn hóa khu phố cần thiết phải sửa chữa hoàn thiện sân và nhà vệ sinh. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu là một nhiệm vụ cấp bách, nhằm góp phần chỉnh trang đô thị, phấn đấu nâng cao các tiêu chí hạ tầng đô thị loại II.

Hiện nay, tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nên việc bố trí ngân sách để đầu tư xây dựng còn hạn chế, tốc độ đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước còn chậm, vì vậy việc tập trung huy động mọi nguồn lực của xã hội để đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thoát nước, điện chiếu sáng khu dân cư và công trình phụ trợ nhà văn hóa khu phố góp phần từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, thiết chế văn hóa và xây dựng thành phố văn minh giàu đẹp là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Xuất phát từ những yêu cầu trên, UBND thành phố xây dựng Đề án xã hội hóa xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025 trình các cơ quan có thẩm quyền thông qua, phê duyệt để tổ chức thực hiện. Đây là cơ sở quan trọng để triển khai huy động các nguồn lực xã hội hóa nhằm đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật góp phần chỉnh trang đô thị, hướng đến đạt thang điểm tối đa về các tiêu chí đô thị loại II theo Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

## **II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
- Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 24/11/2017;
- Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;
- Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị định số 24/1999/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng các xã, thị trấn;
- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP;

- Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 quy định chi tiết một số về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về việc quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

- Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

- Quyết định số 1166/QĐ-UB ngày 22/6/2006 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc điều chỉnh quy hoạch chung thị xã (nay là thành phố) Đông Hà đến năm 2020 và Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu chức năng của các phường;

- Quyết định số 1930/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 20/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030;

- Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 23/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt”;

- Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Chương trình số 03-CTr/TU ngày 11/9/2020 chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đông Hà lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 -2025.

### **III. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

## **1. Mục tiêu chung**

- Huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân đóng góp kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thoát nước, điện chiếu sáng khu dân cư, công trình phụ trợ Nhà văn hóa khu phố để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thiện xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân trong việc giám sát, bảo vệ hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị trên địa bàn thành phố Đông Hà.

- Nâng tỷ lệ tuyến đường giao thông ở khu dân cư được bê tông hóa đảm bảo cho việc đi lại của nhân dân; tăng tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước và từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng hệ thống thoát nước đô thị, giải quyết tình trạng ngập úng, đảm bảo vệ sinh môi trường theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường; nâng cao tỷ lệ chiếu sáng đường kiệt, ngõ, hẻm góp phần đảm bảo an ninh trật tự, mỹ quan đô thị; xây mới, sửa chữa một số nhà văn hóa khu phố đã xuống cấp hoặc hoàn thiện công trình phụ trợ thiết yếu của nhà văn hóa khu phố đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, hội họp và hoạt động của nhân dân.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Xã hội hoá xây dựng hệ thống thoát nước: Đầu tư xây dựng thêm 12,7km hệ thống thoát nước.

- Xã hội hoá xây dựng điện chiếu sáng: Đầu tư xây dựng thêm 26,6km điện chiếu sáng trên các tuyến đường kiệt, hẻm.

- Xã hội hoá đường bê tông: Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp thêm 21,4km tuyến bê tông hóa giao thông ở khu vực dân cư.

- Xã hội hoá nhà văn hóa và công trình phụ trợ nhà văn hóa khu phố: Đầu tư xây dựng mới 06 nhà văn hóa khu phố; sửa chữa 30 nhà văn hóa khu phố, hoàn thiện sân bê tông và nhà vệ sinh.

## **Phần II**

### **NỘI DUNG THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **1. Nguyên tắc vận động**

- Xã hội hóa hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, bê tông hóa giao thông trong khu dân cư, nhà văn hóa và công trình phụ trợ nhà văn hóa khu phố phải có sự đồng thuận của nhân dân, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích giữa nhà nước với người dân và tuân thủ các nguyên tắc quy định về giá, chi phí đầu tư xây dựng phù hợp với điều kiện sống của người dân.

- Huy động được mọi nguồn lực của xã hội và có sự hỗ trợ ngân sách nhà nước để đầu tư có hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xây dựng nhà văn hóa khu phố và hoàn thiện các công trình phụ trợ nhà văn hóa trong khu dân cư.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các hộ dân tự đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, bê tông hóa giao thông và nhà văn hóa khu phố khi nhà nước chưa có điều kiện bố trí nguồn lực theo quy hoạch.

- Khu vực công cộng hoặc phân đất do nhà nước quản lý khi tuyên xã hội hóa đi qua: Ngân sách nhà nước chi trả phần chi phí xây dựng.

## **2. Các đối tượng vận động xã hội hoá**

a) Đối tượng vận động xã hội hoá: Hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nằm trong khu dân cư có tuyến thoát nước, điện chiếu sáng và tuyến giao thông, nhà văn hóa hoặc công trình phụ trợ nhà văn hóa khu phố thực hiện xây dựng theo hình thức xã hội hóa và các tổ chức, cá nhân hảo tâm khác.

b) Đối tượng được giảm đóng góp: Hộ gia đình chính sách, cụ thể: Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học bị mất sức lao động từ 61% đến 80% đóng góp 50% kinh phí theo tỷ lệ xã hội hóa mà mỗi hộ dân phải đóng góp.

c) Đối tượng được miễn đóng góp

- Đối tượng hộ gia đình chính sách, cụ thể: Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định tại thời điểm vận động xây dựng); hộ người già neo đơn (80 tuổi trở lên); hộ gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (tất cả các thành viên đều là đối tượng bảo trợ xã hội) theo quy định tại thời điểm vận động xây dựng.

- Các hộ dân tự nguyện hiến đất để mở rộng mặt cắt đường, hệ thống thoát nước khi thực hiện xã hội hóa.

## **II. XÃ HỘI HÓA XÂY DỰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC**

**1. Tuyến thực hiện xã hội hóa:** Bao gồm các tuyến thoát nước trong các tuyến đường, kiệt, ngõ, hẻm hoặc sau các dãy nhà ở của khu dân cư.

**2. Giải pháp kỹ thuật chính:** UBND các phường lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế có năng lực và có tư cách pháp nhân đảm bảo việc khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật. Tùy theo tình hình thực tế của tuyến đường, ngõ, kiệt, và địa hình lưu vực, lưu lượng thoát nước của khu dân cư, vị trí điểm đầu nối với hệ thống thoát nước và điều kiện kinh tế của các hộ dân để có giải pháp thiết kế kỹ thuật, lựa chọn quy mô, kết cấu của hệ thống thoát nước khu dân cư phù hợp, đảm bảo việc khai thác sử dụng hiệu quả nhưng tiết kiệm chi phí đầu tư. Có thể lựa chọn các quy mô, kết cấu hệ thống thoát nước như sau:

- Bảng rãnh xây bê tông xi măng hoặc bê tông có nắp đậy bằng tấm đan, kích thước (B x H)mm  $\geq$  (300 x 400)mm.
- Cống tròn BTCT đúc sẵn  $D \geq 300$ mm.
- Tuyến ống HDPE  $\geq D200$  (mm).

### 3. Khoản mục xã hội hóa

a) Các khoản mục thực hiện xã hội hóa: Chi phí xây dựng theo hồ sơ dự toán được duyệt.

b) Các khoản mục không thực hiện xã hội hóa: Chi phí tư vấn khảo sát, thiết kế, quản lý dự án, giải phóng mặt bằng... và các chi phí khác liên quan do ngân sách nhà nước đảm bảo.

**4. Kinh phí và tỷ lệ huy động xã hội hóa:** Tính bình quân chung cho mỗi hộ dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên tuyến, lấy phần giá trị chi phí xây dựng chia cho tổng số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ dân liên quan đến tuyến thoát nước của khu dân cư nhân với tỷ lệ đóng góp của nhân dân (30%) để xác định kinh phí đóng góp cụ thể:

a) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ dân trên tuyến: 30% chi phí xây dựng theo dự toán được duyệt, trong đó có phần đóng góp của các đối tượng được miễn, giảm do nhà nước hỗ trợ.

b) Ngân sách nhà nước: 70% chi phí xây dựng theo dự toán được duyệt, phần đóng góp của các đối tượng được miễn, giảm tại điểm b và c, khoản 2, mục I của phần II đề án này và các chi phí quản lý dự án, tư vấn thiết kế, giải phóng mặt bằng (nếu có), kinh phí duy tu, sửa chữa sau khi công trình đưa vào sử dụng và các chi phí khác liên quan.

**5. Cơ chế quản lý, vận hành:** UBND phường là cơ quan chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý dự án và tổ chức giám sát cộng đồng theo quy định hiện hành. Sau khi công trình thi công hoàn thành và được đấu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố, UBND phường tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng và bàn giao để Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và dịch vụ công ích tổ chức quản lý, vận hành và thực hiện duy tu, sửa chữa sau thời gian bảo hành của nhà thầu thi công theo đúng quy định.

## III. XÃ HỘI HÓA XÂY DỰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG KHU DÂN CƯ

### 1. Tuyến điện chiếu sáng thực hiện xã hội hoá

- Các tuyến đường, kiệt, ngõ, hẻm có tuyến điện chiếu sáng không thuộc danh mục công trình xây dựng nhà nước đầu tư 100% kinh phí.

- Đối với các tuyến đường, kiệt, ngõ, hẻm có chiều dài  $\leq 100$ m hoặc bố trí  $\leq 3$  bóng đèn có thể tổng hợp vào các tuyến khác lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc ưu tiên vận động nhân dân tự bỏ 100% kinh phí xây dựng.

### 2. Giải pháp kỹ thuật chính

a) Phương án bố trí chiếu sáng: Bố trí chiếu sáng trên cột điện lực có sẵn; cần đèn được lắp trên cột điện. Tùy theo mặt cắt ngang của tuyến đường để lựa chọn độ vươn cần đèn, công suất bóng đèn phù hợp; khoảng cách chiếu sáng theo khoảng cách cột điện lực có sẵn. Trong trường hợp khoảng cách giữa các cột có sẵn không đảm bảo thiết kế chiếu sáng thì trồng thêm cột mới với chủng loại phù hợp để lắp đặt đèn chiếu sáng.

b) Thiết bị chiếu sáng: Sử dụng các loại đèn Led tiết kiệm điện năng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng đường phố hiện hành; tùy theo mặt cắt ngang từng tuyến đường để sử dụng loại đèn có công suất phù hợp.

### **3. Khoản mục xã hội hóa**

a) Các khoản mục thực hiện xã hội hóa: Chi phí xây dựng theo hồ sơ dự toán được duyệt.

b) Các khoản mục không thực hiện xã hội hóa: Chi phí tư vấn, quản lý dự án, đấu nối và các chi phí khác liên quan do ngân sách nhà nước đảm bảo.

**4. Kinh phí và tỷ lệ huy động xã hội hóa:** Tính bình quân chung cho mỗi hộ dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên tuyến, lấy 50% phần giá trị chi phí xây dựng chia cho tổng số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ dân liên quan đến tuyến điện chiếu sáng của khu dân cư để xác định kinh phí đóng góp của mỗi hộ dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ dân trên tuyến: 50% chi phí xây dựng theo hồ sơ dự toán được duyệt, trong đó có phần đóng góp của các đối tượng được miễn, giảm do nhà nước hỗ trợ.

b) Ngân sách nhà nước: 50% chi phí xây dựng theo hồ sơ dự toán được duyệt, phần đóng góp của các các đối tượng được miễn, giảm tại điểm b và c, khoản 2, mục I của Phần II Đề án này và các chi phí quản lý dự án, tư vấn thiết kế, kinh phí duy tu, sửa chữa sau khi công trình đưa vào sử dụng và tiền điện tiêu thụ hàng tháng và các chi phí khác liên quan.

### **5. Cơ chế quản lý, vận hành**

a) UBND phường là cơ quan chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý dự án và tổ chức giám sát cộng đồng theo quy định hiện hành. Sau khi công trình thi công hoàn thành và được đấu nối vào hệ thống điện chiếu sáng của thành phố, UBND phường tổ chức nghiệm thu và bàn giao để Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và dịch vụ công ích tổ chức quản lý, vận hành.

b) Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và dịch vụ công ích thành phố chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và vận hành; chịu trách nhiệm duy tu, sửa chữa sau thời gian bảo hành của nhà thầu thi công và khi hết thời gian bảo hành thiết bị chiếu sáng của đơn vị cung cấp.

c) Giải pháp đấu nối cấp điện:

- Trường hợp gần với tuyến chiếu sáng công cộng có sẵn của thành phố thì đấu nối vào hệ thống điện chiếu sáng có sẵn của thành phố và vận hành theo hệ thống được đấu nối.

- Trường hợp còn lại đầu nối vào lưới điện 0,4KV của điện lực thông qua công tơ đo đếm của điện lực và lắp đặt bộ sung tử điều khiển để điều khiển thời gian vận hành tuyến theo hệ thống chiếu sáng của thành phố.

#### **IV. XÃ HỘI HÓA XÂY DỰNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BÊ TÔNG HÓA KHU DÂN CƯ**

##### **1. Tuyến đường thực hiện xã hội hoá**

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường, kiệt, ngõ, hẻm trong khu dân cư không thuộc danh mục công trình xây dựng nhà nước đầu tư 100% kinh phí.

- Nâng cấp các tuyến đường bê tông hóa đã xuống cấp.

##### **2. Giải pháp kỹ thuật chính**

a) Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật: Căn cứ Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường GTNT phục vụ chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 và các quy định hiện hành liên quan thì có thể chọn tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các tuyến đường bê tông thực hiện theo đề án này như sau:

<b>STT</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
1	Cấp đường	Đường cấp C
2	Vận tốc thiết kế	15Km/h
3	Bề rộng nền đường	4,0m
4	Bề rộng mặt đường	3,0m
5	Tải trọng thiết kế	Xe trục 2,5 tấn

- Chiều rộng quy định trên đây là tối thiểu, đề án không khống chế chiều rộng tối đa; trường hợp nhân dân 2 bên tuyến đồng tình đóng góp thì có thể mở rộng quy mô mặt cắt đường lớn hơn tùy theo khả năng đóng góp huy động của nhân dân.

- Đối với các tuyến đường hiện trạng nhỏ hơn mặt cắt quy hoạch, trong trường hợp các hộ dân tự nguyện mở rộng mặt cắt đường theo đúng quy hoạch để đảm bảo an toàn giao thông và mỹ quan đô thị thì nhà nước đảm bảo 100% kinh phí đầu tư xây dựng.

- Đối với những tuyến đường có chiều rộng hiện tại nhỏ hơn 3,0m nhưng không thể mở rộng đường theo quy mô tối thiểu do dân cư sinh sống hai bên tuyến khá dày đặc hoặc một số đường kiệt, hẻm đã được quy hoạch với quy mô lớn nhưng hiện chưa được đầu tư xây dựng thì UBND thành phố xem xét từng trường hợp để quyết định, đảm bảo cho nhân dân đi lại và hiệu quả đầu tư xây dựng.

- Ngoài ra, trong điều kiện nhân dân có nhu cầu nâng cấp các tuyến đường bê tông hiện có hoặc đối với các tuyến đường có lưu lượng xe lớn có thể áp dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa.



b) Quy định kết cấu mặt đường như sau:

\* Về kết cấu mặt đường BTXM (Bê tông xi măng)

+ Lớp mặt BTXM M200 dày 15cm.

+ Lớp bạt ni lông.

+ Lớp đệm cát tạo phẳng dày 3cm.

+ Nền đất đầm chặt  $K > 0,98$ .

\* Về kết cấu mặt đường BTN (bê tông nhựa)

- Loại 1: Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm.

+ Lớp mặt đường bê tông nhựa đầm chặt 12.5, dày 5cm.

+ Tưới nhựa thấm bảm  $0,80\text{kg/m}^2$ .

+ Lớp móng cấp phối đá dăm Dmax 25, lớp trên dày 8cm.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm Dmax 37,5, lớp dưới dày 12cm.

+ Nền đất đầm chặt  $K > 0,98$ .

- Loại 2: Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm trên mặt đường BTXM cũ

+ Lớp mặt đường bê tông nhựa đầm chặt 12.5, dày 5cm.

+ Tưới nhựa thấm bảm  $0,50\text{kg/m}^2$ .

- Lưu ý: Trước khi thi công mặt đường, yêu cầu nền đường phải bằng phẳng, khô ráo, các vị trí nền đường yếu, cao su phải xử lý triệt để, đối với nền đường làm mới, hoặc đắp mở rộng, phải được đầm lèn đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,98$ .

### 3. Khoản mục xã hội hóa

a) Các khoản mục thực hiện xã hội hóa: Chi phí xây dựng theo dự toán được duyệt.

b) Các khoản mục không thực hiện xã hội hóa: Chi phí tư vấn, quản lý dự án và các chi phí khác liên quan do ngân sách nhà nước đảm bảo.

**4. Kinh phí và tỷ lệ huy động xã hội hóa:** Tính bình quân chung cho mỗi hộ dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên tuyến, lấy 50% phần giá trị chi phí xây dựng chia cho tổng số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ dân liên quan đến tuyến đường bê tông của khu dân cư để xác định kinh phí đóng góp của mỗi hộ dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ dân: 50% chi phí xây dựng theo dự toán được duyệt, trong đó có phần đóng góp của các đối tượng được miễn, giảm do nhà nước hỗ trợ.

b) Ngân sách nhà nước: 50% chi phí xây dựng, phần đóng góp của các đối tượng được miễn, giảm tại điểm b và c, khoản 2, mục I của Phần II Đề án này và các chi phí quản lý dự án, tư vấn thiết kế, kinh phí duy tu, sửa chữa sau khi công trình đưa vào sử dụng và các chi phí khác liên quan.

### 5. Cơ chế quản lý, vận hành

- UBND phường là cơ quan chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và thực hiện việc bê tông hóa các tuyến đường giao thông theo hình thức xã hội hóa. Sau khi công trình thi công hoàn thành, UBND phường chủ trì, phối hợp

với Phòng Quản lý đô thị và Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- UBND phường có trách nhiệm quản lý, bảo trì sau khi bàn giao đưa vào sử dụng.

## **V. XÃ HỘI HÓA XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA KHU PHỐ VÀ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ NHÀ VĂN HÓA KHU PHỐ**

### **1. Đối tượng và hạng mục đầu tư**

- Nhà văn hóa các khu phố xây dựng mới hoặc nhà văn hóa đã xây dựng nhưng xuống cấp, cần thiết phải xây dựng lại.

- Các nhà văn hóa khu phố đã xây dựng nhưng chưa được đầu công trình phụ trợ: Sân bê tông, nhà vệ sinh.

- Các nhà văn hoá khu phố đã xây dựng và được đầu tư hạng mục nhà vệ sinh, sân bê tông nhưng đến nay đã xuống cấp.

- Nhà văn hóa các khu phố xây dựng mới: Đầu tư hoàn thiện các hạng mục phụ trợ (nhà vệ sinh, sân bê tông) khi xây dựng nhà văn hoá các khu phố nhằm đảm bảo công năng sử dụng.

### **2. Giải pháp kỹ thuật chính**

a) Nhà văn hóa: Đầu tư xây dựng nhà văn hóa khu phố được xây dựng với các giải pháp kỹ thuật chính như sau:

- Móng bê tông cốt thép.

- Tường xây bằng gạch, tường trong nhà, ngoài nhà sơn 01 nước lót, 02 nước màu; mái lợp tôn sóng vuông.

- Nền lát gạch Ceramic; trần đóng thạch cao.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm kính điện.

- Thoát nước mái sử dụng ống uPVC.

b) Sân bê tông: Hỗ trợ xây dựng sân bê tông nhà văn hoá khu phố tối đa với diện tích không quá 250m<sup>2</sup> với tiêu chuẩn như sau:

Mặt cắt sân bê tông bao gồm các lớp:

- Đất tự nhiên đã được đầm chặt.

- Bê tông sạn ngang 4x6mm, M150, dày 10cm.

- La xi măng mác 75, không đánh màu, dày 2cm.

Ngoài diện tích trên, trong trường hợp các khu phố có nhu cầu mở rộng diện tích sân bê tông thì huy động từ các nguồn lực khác ngoài ngân sách thành phố (hoặc có thể trồng thêm thảm cỏ cây xanh).

c) Nhà vệ sinh: Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh với tiêu chuẩn như sau:

- Diện tích mỗi nhà vệ sinh tối thiểu: 2,0m x 3,0m = 6,0 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Móng bằng bê tông cốt thép.

+ Tường nhà xây gạch không nung dày 150mm.

+ Mái lợp tôn sóng vuông dày 0,35mm.

+ Xà gỗ mái bằng thép hộp (30x60x1,2)mm.

- + Nền lát gạch ceramic chống trượt, kích thước (300x300)mm.
- + Ốp gạch tường trong nhà cao 1.2m, kích thước gạch (250x400)mm.
- + Hệ thống cửa đi làm bằng sắt.
- + Toàn bộ tường trong và ngoài nhà sơn, 1 nước lót 2 nước màu.

**3. Kinh phí và tỷ lệ huy động xã hội hóa:** Tính bình quân chung cho mỗi hộ dân trên địa bàn khu phố, lấy 50% phần giá trị chi phí xây dựng chia cho tổng số hộ dân liên quan trên địa bàn khu phố để xác định kinh phí đóng góp của mỗi hộ dân, cụ thể như sau:

a) Các hộ dân đóng góp 50% chi phí xây dựng, trong đó có phần đóng góp của các đối tượng được miễn, giảm do nhà nước hỗ trợ.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% chi phí xây dựng, phần đóng góp của các đối tượng được miễn, giảm tại điểm b và c, khoản 2, mục I của Phần II Đề án này, các chi phí quản lý dự án, tư vấn thiết kế và các chi phí khác liên quan.

#### **4. Cơ chế quản lý, vận hành**

- UBND phường là cơ quan chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý. Sau khi công trình thi công hoàn thành, UBND phường chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Quản lý đô thị tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- UBND phường có trách nhiệm quản lý, bảo trì sau khi bàn giao đưa vào sử dụng.

### **VI. QUY TRÌNH THỰC HIỆN**

#### **a) Xây dựng kế hoạch**

- Hàng năm căn cứ vào nhu cầu thực tế, UBND các phường thông báo và hướng dẫn đến từng khu phố tổ chức lấy ý kiến thống nhất của nhân dân về chủ trương thực hiện, lựa chọn công trình thực hiện xã hội hóa và cam kết đóng góp kinh phí xã hội hóa thực hiện (được thể hiện bằng văn bản).

- Sau khi có ý kiến thống nhất của nhân dân, UBND phường phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài chính - Kế hoạch và Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và dịch vụ công ích tổ chức kiểm tra và thống nhất tuyên thoát nước, điện chiếu sáng thực hiện xã hội hóa; phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài chính kế hoạch tổ chức kiểm tra và thống nhất tuyến bê tông hóa; phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra và thống nhất công trình nhà văn hóa, công trình phụ trợ nhà văn hóa. Đăng ký danh mục công trình gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp trước ngày 30/6 hàng năm để tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét bố trí ngân sách thực hiện.

b) Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: UBND phường có trách nhiệm hợp đồng đơn vị tư vấn có năng lực và tư cách pháp nhân tiến hành khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình.

c) Công khai và huy động nguồn vốn đóng góp của nhân dân: Sau khi có hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, UBND phường tổ chức lấy ý kiến nhân dân để công khai dự án; công tác quản lý, giám sát cộng đồng, xác định mức đóng góp

của mỗi hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, thời hạn huy động vốn và tiến hành thu tiền đóng góp từ hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị để nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước.

d) Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật: UBND phường nộp hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật kèm theo Giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước nguồn vốn đóng góp của nhân dân về Phòng Quản lý đô thị thẩm định và trình UBND thành phố phê duyệt để triển khai thực hiện.

e) Tổ chức thi công công trình: UBND phường tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công, đơn vị giám sát đủ năng lực, quản lý công trình theo đúng quy định pháp luật về đầu tư và xây dựng. Thông báo công khai cho nhân dân được biết về dự án đã được phê duyệt, đơn vị thi công, thời gian tiến độ thi công và có sự phối hợp với Ban giám sát cộng đồng phường.

g) Nghiệm thu, đưa công trình vào sử dụng và quyết toán: UBND phường tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng và quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

### **Phần III**

## **NHU CẦU KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

### **GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **I. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Tổng vốn thực hiện (làm tròn):** **62.696 triệu đồng**

Trong đó:

- Xã hội hóa xây dựng thoát nước:	20.300 triệu đồng
- Xã hội hóa xây dựng điện chiếu sáng:	6.214 triệu đồng
- Xã hội hóa các tuyến đường bê tông:	17.803 triệu đồng
- Xã hội hóa nhà văn hóa, các hạng mục phụ trợ:	18.379 triệu đồng

#### **2. Cơ cấu huy động vốn:**

**Tổng cộng:** **62.696 triệu đồng**

- Nhân dân đóng góp:	28.571 triệu đồng
- Ngân sách nhà nước:	34.125 triệu đồng

Ngân sách nhà nước bao gồm: Ngân sách thành phố và hỗ trợ từ ngân sách tỉnh; nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án của tỉnh.

#### **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

a) Phối hợp với UBND các phường thống nhất xác định tuyến, quy mô, giải pháp thực hiện các công trình xã hội hóa.

b) Hướng dẫn UBND các phường thực hiện đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

c) Hàng năm, hướng dẫn UBND các phường lập kế hoạch, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện xã hội hóa, tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố thông qua.

## **2. Phòng Quản lý đô thị**

a) Phối hợp với UBND các phường thống nhất xác định tuyến, quy mô, giải pháp thực hiện các công trình xã hội hóa.

b) Thực hiện nhiệm vụ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xã hội hóa xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trình UBND thành phố phê duyệt.

c) Hướng dẫn UBND các phường thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố.

**3. Phòng Nội vụ:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố tổ chức xem xét, đánh giá và có hình thức khen thưởng đối với các đơn vị thực hiện tốt; đồng thời phê bình đối với các đơn vị chưa tập trung chỉ đạo và kết quả thực hiện không đạt yêu cầu kế hoạch đề ra.

## **4. UBND các phường**

a) Trong quá trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương phải xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, tập trung tổ chức chỉ đạo các khu phố, tổ dân phố phối hợp với Ban công tác mặt trận khu dân cư thực hiện tốt công tác vận động huy động vốn, quản lý, sử dụng và giám sát chặt chẽ việc sử dụng kinh phí do nhân dân đóng góp, tiến độ và chất lượng của dự án. Gắn công tác thực hiện vận động xã hội hoá như một tiêu chí bình xét khu phố văn hoá và các danh hiệu của phường.

b) Thường xuyên có kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các nội dung, mục tiêu xã hội hóa xây dựng hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng khu dân cư. Chủ trì, phối hợp với mặt trận và các đoàn thể thực hiện vận động huy động vốn từ nhân dân và các cơ quan, đơn vị đóng góp.

c) Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan lựa chọn tuyến phù hợp và xây dựng kế hoạch thực hiện theo đúng các quy định, quy trình trong đề án này.

d) Làm chủ đầu tư và trực tiếp quản lý thực hiện dự án, chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND thành phố về việc tổ chức thực hiện, quản lý chất lượng và thẩm mỹ của công trình. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố (qua Phòng Quản lý đô thị).

## **5. Trung tâm phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và dịch vụ công ích thành phố:**

a) Phối hợp với UBND các phường thống nhất xác định tuyến, vị trí đầu nối, quy mô, chủng loại, giải pháp thực hiện các công trình xã hội hóa thoát nước và điện chiếu sáng khu dân cư.

b) Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và dịch vụ công ích thành phố có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao, thực hiện quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng. Định kỳ báo cáo về UBND thành phố tình hình tiếp nhận, quản lý, vận hành công trình (qua Phòng Quản lý đô thị).

**6. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và hộ gia đình:** Có trách nhiệm bảo vệ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trước mặt trụ sở cơ quan, nhà ở của mình. Thông báo cho UBND phường, Trung tâm phát triển Cụm công nghiệp -

Khuyến công và dịch vụ công ích thành phố hoặc các cơ quan liên quan về những hành vi xâm hại đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoặc các sự cố để kịp thời thực hiện duy tu, bảo dưỡng.

## Phần IV KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

### I. KIẾN NGHỊ

#### 1. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị cấp tỉnh, trung ương đóng trên địa bàn thành phố phối hợp tổ chức thực hiện.

- Trong bối cảnh ngân sách của thành phố còn khó khăn, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm quan tâm bố trí ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình dự án của tỉnh để hỗ trợ thành phố thực hiện.

#### 2. Đề nghị các cấp ủy Đảng, Mặt trận và các đoàn thể

a) Căn cứ tinh thần, nội dung của đề án, tổ chức quán triệt sâu rộng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân; nghiên cứu ban hành các nghị quyết để tập trung chỉ đạo và xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Quá trình tổ chức thực hiện ở cơ sở cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa cấp ủy, chính quyền và mặt trận. Phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia và tổ chức giám sát sử dụng kinh phí đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng.

### II. KẾT LUẬN

Xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng là việc làm hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm góp phần giải quyết tình trạng ngập úng trong các khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và từng bước cải thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đồng thời tăng cường sự tham gia giám sát, đóng góp tích cực của cộng đồng trong việc đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, thiết chế văn hóa.

Việc thực hiện tốt đề án không chỉ góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, thiết chế văn hóa mà còn góp phần phát triển thương mại, du lịch, thu hút đầu tư, khơi dậy phong trào trong quần chúng nhân dân, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng thành phố ngày càng khang trang, sạch đẹp, hướng đến đô thị phát triển bền vững và thân thiện với môi trường./

#### Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTV Thành ủy; TT. HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN và các đoàn thể thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị thành phố;
- UBND các phường;
- Lưu: VT, *268*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng**

## PHỤ LỤC I: KHAI TOÁN KINH PHÍ CÁC HẠNG MỤC XÃ HỘI HÓA

### I. Xã hội hóa xây dựng hệ thống thoát nước

*ĐVT: Đồng*

STT	Quy mô, kết cấu	Kinh phí xây dựng các khoản mục xã hội hoá	Nhân dân đóng góp 30%	Ngân sách Nhà nước đảm bảo 70%
1	Rãnh xây b lô, kích thước (300x400) mm	1.015.000	304.500	710.500
2	Rãnh bê tông mác 150, đá (2x4)cm; (BxH) = (300x400) mm	1.135.000	340.500	794.500
3	Ống bê tông ly tâm D300m	1.285.000	385.500	899.500
4	Ống HDPE D200 (mm)	760.000	228.000	532.000

*Ghi chú: Khai toán kinh phí được tính theo đơn giá tại thời điểm tháng 9/2020 và tính cho chiều dài tuyến 01m.*

### II. Xã hội hóa xây dựng điện chiếu sáng khu dân cư

*ĐVT: Đồng*

STT	Vật liệu sử dụng	Kinh phí xây lắp các khoản mục xã hội hoá	Kinh phí nhân dân đóng góp 50%	Ngân sách Nhà nước đảm bảo 50%
1	Đèn Led công suất 40W	5.050.000	2.525.000	2.525.000
2	Đèn Led công suất 50W	5.535.000	2.767.500	2.767.500
3	Đèn Led công suất 60W	5.709.000	2.854.500	2.854.500
4	Đèn Led công suất 100W	7.300.000	3.650.000	3.650.000
5	Đèn Led công suất 60W có trồng thêm cột BTLT 7,5A	9.670.000	4.835.000	4.835.000

*Ghi chú: Bóng điện chiếu sáng là đèn Led tiết kiệm điện; khai toán kinh phí được tính theo đơn giá tại thời điểm tháng 9/2020 và tính cho tuyến chiếu sáng dài 35m bố trí 01 đèn Led.*

## PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC TUYẾN DỰ KIẾN THỰC HIỆN

### I. Xã hội hóa xây dựng hệ thống thoát nước

STT	Tuyến thoát nước	Quy mô dự kiến	Chiều dài (m)
<b>Phường 1</b>			<b>654,0</b>
1	Thoát nước đường Văn Cao – Khu phố 8	Rãnh bê tông hoặc b lô (400x500)mm	120
2	Kiệt 24 Thái Phiên	Rãnh bê tông hoặc b lô (400x500)mm	25
3	Khu dân cư Khu phố 7	Rãnh bê tông hoặc b lô (400x500)mm	31
4	Kiệt 84 Nguyễn Trãi	Rãnh bê tông hoặc b lô (400x500)mm	95
5	Kiệt 34 Nguyễn Huệ	Rãnh bê tông hoặc b lô (400x500)mm	133
6	Kiệt 48 Nguyễn Du	Rãnh bê tông hoặc b lô (400x500)mm	100
7	Kiệt 154 Nguyễn Du	Rãnh bê tông hoặc b lô (400x500)mm	150
<b>Phường 2</b>			<b>1.250</b>
1	Kiệt 68 Ngô Sỹ Liên	Cống tròn D300mm	50
2	Kiệt 18 Nguyễn Thượng Hiền	Rãnh bê tông (300x400)mm	200
3	Kiệt 20 Nguyễn Thượng Hiền	Rãnh bê tông (300x400)mm	200
4	Kiệt 22 Nguyễn Thượng Hiền	Rãnh bê tông (300x400)mm	200
5	Kiệt 56 Ngô Sỹ Liên	Cống tròn D300mm	250
6	Kiệt 15 Lê Thế Tiết	Rãnh bê tông (300x400)mm	350
<b>Phường 3</b>			<b>420</b>
1	Kiệt 474 - Quốc Lộ 9	Mương BT KT (400x600)mm	120
2	Từ Nguyễn Trung Trực đến Nguyễn Trãi	Cống tròn D1000mm	300
<b>Phường 5</b>			<b>1.520</b>
1	Kiệt nối đường Thanh Tịnh đến nhà ông Phúc	Mương KT 300x400	100
2	Kiệt 70 Tôn Thất Thuyết	Mương KT 300x400	130
3	Kiệt 66 Nguyễn Du	Mương KT 300x400	150



STT	Tuyến thoát nước	Quy mô dự kiến	Chiều dài (m)
4	Các Ngõ 66/1 + 66/3 + 66/5	Mương KT 300x400	200
5	Kiệt 251 Lý Thường Kiệt	Mương KT 300x400	150
6	Đường Lê Phụng Hiểu (đoạn từ Hàm Nghi đến Kiệt 187 Quốc lộ 9)	Mương KT 300x400x 2 bên	150
7	Đường Nguyễn Viết Xuân (đoạn từ Hàm Nghi đến Kiệt 187 Quốc lộ 9)	Mương KT 300x400x 2 bên	150
8	Kiệt 187 Quốc lộ 9	Mương KT 300x400	100
9	Tổ 16 Khu phố 9	Mương KT 300x400	100
10	Kiệt 50 Nguyễn Du	Mương KT 300x400	100
11	Kiệt 109 Nguyễn Du	Mương KT 300x400	50
12	Kiệt 123 Nguyễn Du	Mương KT 300x400	70
13	Kiệt 20 Nguyễn Hồng	Mương KT 300x400	70
<b>Phường Đông Lễ</b>			<b>1.450</b>
1	Kiệt 131 Lê Lợi	Rãnh bê tông (300x400)mm	500
2	Kiệt 154 Lê Lợi	Rãnh bê tông (300x400)mm	220
3	Kiệt 290 Lê Duẩn	Rãnh bê tông (300x400)mm	300
4	Kiệt 355 Lê Duẩn	Rãnh bê tông (300x400)mm	180
5	Kiệt 397 Lê Duẩn	Rãnh bê tông (300x400)mm	100
6	Kiệt 268 Lê Duẩn	Rãnh bê tông (300x400)mm	150
<b>Phường Đông Lương</b>			<b>4.465</b>
1	Khu dân cư các Khu phố: 1; Trung Chí; Vĩnh Phước	Rãnh bê tông (300x400)mm; (400x600)mm	4.465
<b>Phường Đông Thanh</b>			<b>1.000</b>
1	Khu dân cư Khu phố 1, 2, 3, 4	Rãnh bê tông (300x400)mm; (400x600)mm	1.000
<b>Phường Đông Giang</b>			<b>1.350</b>
1	Khu dân cư Khu phố 3, 4, 5, 6	Rãnh bê tông (300x400)mm; Cống tròn D600	1.350
<b>Tổng cộng</b>			<b>12.609 m</b>

## II. Xã hội hóa xây dựng hệ thống điện chiếu sáng

STT	Địa điểm	Số tuyến	Chiều dài (m)	Số bóng (bóng)
1	Phường 1	10	1.318	38
2	Phường 2	9	1.860	39
3	Phường 3	12	1.750	50

STT	Địa điểm	Số tuyến	Chiều dài (m)	Số bóng (bóng)
4	Phường 4	5	1.000	30
5	Phường 5	15	2.516	70
6	Phường Đông Lễ	14	2.610	72
7	Phường Đông Lương	42	7.455	204
8	Phường Đông Thanh	15	2.132	60
9	Phường Đông Giang	30	6.000	200
<b>Tổng cộng</b>		<b>144 tuyến</b>	<b>26.641 m</b>	<b>763 bóng</b>

### III. Bê tông hóa giai đoạn 2021 – 2025

STT	Địa điểm	Số tuyến	Chiều dài (m)	Mặt cắt (m)
1	Phường 1	02	160	2,5 – 3,0
2	Phường 2	09	2.073	2,5 – 4,0
3	Phường 3	07	1.140	4,0 – 5,0
4	Phường 4	01	90	3,5
5	Phường 5	10	669	2,5 – 4,0
6	Phường Đông Lễ	14	2.524	3,0 – 5,0
7	Phường Đông Lương	37	7.372	2,5 – 4,0
8	Phường Đông Thanh	8	668	2,5 – 3,0
9	Phường Đông Giang	6	6.700	3,0 – 5,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>94</b>	<b>21.396</b>	<b>2,5 – 5,0</b>

*Ghi chú: Ngoài danh mục các tuyến đã khảo sát, tùy theo nhu cầu của nhân dân để lựa chọn, bổ sung các tuyến xã hội hóa.*

**PHỤ LỤC III: KHÁI TOÁN CHI PHÍ 01 KM ĐƯỜNG, MẶT CÁT RỘNG 3M**

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ			KÝ HIỆU
			Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm	Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm trên mặt đường BTXM cũ	Bê tông xi măng	
[1]	[2]	[3]			[6]=[4].[5]	[7]
1	Chi phí xây dựng	Dự toán	741.434.000	503.347.000	720.527.000	G <sub>XD</sub>
2	Chi phí quản lý dự án	2,936% * G <sub>XD</sub>	21.769.000	14.778.000	21.155.000	G <sub>QLDA</sub>
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	TV1 + ... + TV3	76.547.000	58.636.000	74.974.000	G <sub>TV</sub>
3.1	Chi phí khảo sát bước lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	Dự toán	20.769.000	20.769.000	20.769.000	TV1
3.2	Chi phí thiết kế bước lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	5,400% * G <sub>XD</sub> * 0,8	32.030.000	21.745.000	31.127.000	TV2
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,203% * G <sub>XD</sub>	23.748.000	16.122.000	23.078.000	TV3
4	Chi phí khác	K1 + ... + K3	15.171.000	13.571.000	15.031.000	G <sub>K</sub>
4.1	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông	Dự toán	10.000.000	10.000.000	10.000.000	K1
4.2	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	0,019% * TMDT/1,1	152.000	105.000	148.000	K2
4.3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,570% * TMDT	5.019.000	3.466.000	4.883.000	K3
5	Chi phí dự phòng	5% * (G <sub>XD</sub> + G <sub>QLDA</sub> + G <sub>TV</sub> + G <sub>K</sub> )	42.746.000	29.517.000	41.584.000	G <sub>DP</sub>
6	Tổng cộng	(1 + ... + 5)	897.667.000	619.849.000	873.271.000	V

# TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	HẠNG MỤC			KÝ HIỆU
			Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm	Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm trên mặt đường BTXM cũ	Bê tông xi măng	
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					
1	Chi phí vật liệu	Bảng tính	482.326.784	316.319.864	374.290.020	VL
2	Chi phí nhân công	Bảng tính	19.743.859	14.637.909	156.588.030	NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	Bảng tính	73.384.405	59.708.945	28.350.450	M
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>VL+NC+M</b>	<b>575.455.049</b>	<b>390.666.719</b>	<b>559.228.500</b>	<b>T</b>
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP					
1	Chi phí chung	6,20%*T	35.678.213	24.221.337	34.672.167	C
2	Chi phí xây nhà tạm để ở và điều hành thi công	2,30%*T	13.235.466	8.985.335	12.862.256	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	2,00%*T	11.509.101	7.813.334	11.184.570	TT
4	Chi phí gián tiếp khác	Dự toán				GTK
	<b>Chi phí gián tiếp</b>	<b>C+LT+TT+GTK</b>	<b>60.422.780</b>	<b>41.020.005</b>	<b>58.718.993</b>	<b>GT</b>
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	6,0%*(T+GT)	38.152.670	25.901.203	37.076.850	TL
	<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>T+GT+TL</b>	<b>674.030.499</b>	<b>457.587.928</b>	<b>655.024.342</b>	<b>G</b>
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	10%*G	67.403.050	45.758.793	65.502.434	GTGT
	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>G + GTGT</b>	<b>741.433.549</b>	<b>503.346.721</b>	<b>720.526.776</b>	<b>G<sup>XD</sup></b>
	<b>Tổng cộng (làm tròn)</b>	<b>G<sup>XD</sup></b>	<b>741.434.000</b>	<b>503.347.000</b>	<b>720.527.000</b>	<b>G<sup>XD</sup></b>

**BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT**

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu định mức	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá		Thành tiền			
						Vật liệu	Nhân công	Vật liệu	Nhân công		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]=[6]*[7]	[11]=[6]*[8]	[12]=[6]*[9]
I			<b>Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm</b>		3.000,00				482.326.784	19.743.859	73.384.405
1	ĐG-004	AB.64124 VD	Lu lèn đất nền đường bằng máy đầm 16T, độ chặt K=0,98, dây 30cm	m2	3.000,00		886	1.312		2.658.000	3.936.000
2	ĐG-005	AD.11212	Thi công móng cấp phối đá dăm Dmax.37,5, lớp dưới	m3	360,00	248.851	5.583	19.629	89.586.360	2.009.880	7.066.440
3	ĐG-006	AD.11222	Thi công móng cấp phối đá dăm Dmax.25, lớp trên	m3	240,00	261.033	6.299	19.990	62.647.920	1.511.760	4.797.600
4	ĐG-009	AD.24212	Tưới lợp thấm bảm mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 0,8kg/m2	m2	3.000,00	10.207	593	3.164	30.621.000	1.779.000	9.492.000
5	ĐG-007	AD.23233	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt ≤12,5, chiều dày đã lèn ép 5cm	m2	3.000,00		3.447	3.916		10.341.000	11.748.000
6	ĐG-010	AD.26140	Sản xuất bê tông nhựa chặt 12,5 bằng trạm trộn 120T/h	tấn	363,60	823.629	3.972	34.489	299.471.504	1.444.219	12.540.200
7	ĐG-011	AD.27243 AD.27253	Vận chuyển bê tông nhựa bằng ôtô 12T, cự ly 11,4Km	tấn	363,60			65.468			23.804.165
II			<b>Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm trên mặt đường BTXM</b>		3.000,00				316.319.864	14.637.909	59.708.945
1	ĐG-003	AA.22111	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng búa cầm khí nén	m3	10,00	19.236	107.369	212.458	192.360	1.073.690	2.124.580
2	ĐG-008	AD.24211	Tưới lợp thấm bảm mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 0,5kg/m2	m2	3.000,00	5.552	593	3.164	16.656.000	1.779.000	9.492.000
3	ĐG-007	AD.23233	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt ≤12,5, chiều dày đã lèn ép 5cm	m2	3.000,00		3.447	3.916		10.341.000	11.748.000
4	ĐG-010	AD.26140	Sản xuất bê tông nhựa chặt 12,5 bằng trạm trộn 120T/h	tấn	363,60	823.629	3.972	34.489	299.471.504	1.444.219	12.540.200
5	ĐG-011	AD.27243 AD.27253	Vận chuyển bê tông nhựa bằng ôtô 12T, cự ly 11,4Km	tấn	363,60			65.468			23.804.165
III			<b>Bê tông xi măng</b>		3.000,00				374.290.020	156.588.030	28.350.450
8	ĐG-004	AB.64124 VD	Lu lèn đất nền đường bằng máy đầm 16T, độ chặt K=0,98, dây 30cm	m2	3.000,00		886	1.312		2.658.000	3.936.000
9	ĐG-014	AK.98110	Thi công lớp đệm cát	m3	90,00	119.228	312.662		10.730.520	28.139.580	
10	ĐG-015	AL.16201	Thi công lớp lót bạt nilong 1 lớp	m2	3.000,00	3.307	293		9.921.000	879.000	
10	ĐG-012	AF.15410	Thi công mặt đường bê tông M200, đá 2x4	m3	450,00	782.304	267.291	62.059	352.036.800	120.280.950	27.926.550
11	ĐG-013	AF.82411	Ván khuôn mặt đường bê tông xi măng, ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn thép	m2	300,00	5.339	24.295	1.413	1.601.700	7.288.500	423.900

**PHỤ LỤC IV: DANH MỤC NHÀ VĂN HÓA VÀ HẠNG MỤC NHÀ PHỤ TRỢ NHÀ VĂN HÓA  
DỰ KIẾN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỜI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

STT	Đơn vị	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Địa điểm xây dựng	Tổng kinh phí (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>UBND phường 1</b>				<i>Không có nhu cầu đầu tư sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới nhà văn hóa khu phố</i>
<b>II</b>	<b>UBND Phường 3</b>				
1	Nhà văn hóa khu phố 2 (mới)	230	Khu phố 2	1.242.000.000	<i>Nhà văn hóa đã xuống cấp, diện tích nhỏ không đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, hội họp của nhân dân</i>
2	Nhà văn hóa khu phố 6	230	Khu phố 6	1.242.000.000	<i>Đã xuống cấp, diện tích không đảm bảo.</i>
<b>III</b>	<b>UBND Phường 4</b>				
3	Nhà văn hóa khu phố 4	210	Khu phố 4	1.134.000.000	<i>Đã xuống cấp, diện tích không đảm bảo.</i>
<b>IV</b>	<b>UBND Phường 5</b>				
4	Khu phố 6	230	Tại khu vực điều chỉnh quy hoạch	1.242.000.000	<i>Nhà văn hóa hiện tại đã xuống cấp, diện tích nhỏ hẹp không đáp ứng nhu cầu sinh văn hóa, hội họp của nhân dân.</i>
<b>V</b>	<b>UBND phường Đông Thanh</b>				
5	Nhà văn hóa khu phố 1	210	Khu phố 1	1.134.000.000	<i>Diện tích nhỏ không đảm bảo, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp của nhân dân.</i>
<b>VI</b>	<b>UBND phường Đông Lễ</b>				
6	Nhà phòng, chống bão lụt kết hợp với nhà văn hóa khu phố 5 (mới)	200	Khu phố 8 (cũ)	1.500.000.000	<i>Địa bàn vùng thấp trũng, thường xuyên xảy ra bão lũ. Xây dựng nhà phòng chống bão lụt kết hợp với nhà văn hóa</i>

					để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân khu phố 5 vì đây là địa bàn khu phố mới sáp nhập.
<b>Tổng cộng</b>					<b>7.684.000.000</b>

**Ghi chú:**

- Suất đầu tư xây dựng nhà văn hóa khu phố khái toán: 5.400.000/m<sup>2</sup> tính tại thời điểm tháng 9/2020.
- Ngoài danh mục nhà văn hóa đã khảo sát, tùy theo nhu cầu của nhân dân để lựa chọn, bổ sung danh mục xã hội hóa.

**PHỤ LỤC V: DANH MỤC NHÀ VĂN HÓA VÀ HẠNG MỤC PHỤ TRỢ NHÀ VĂN HÓA  
DỰ KIẾN ĐẦU TƯ NÂNG CẤP, SỬA CHỮA GIAI ĐOẠN 2021-2025**

STT	Đơn vị	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Địa điểm xây dựng	Tổng kinh phí (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>UBND phường 1</b>				Không có nhu cầu đầu tư sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới nhà văn hóa khu phố
<b>II</b>	<b>UBND Phường 2</b>				
1	Nhà văn hóa khu phố 2	160	Khu phố 2	350.000.000	Nhà văn hóa xây dựng lâu đã xuống cấp, đồng thời có phương án làm nhà tránh lụt bão của phường
<b>III</b>	<b>UBND Phường 3</b>				
2	Nhà văn hóa khu phố 5	120	Khu phố 5	400.000.000	Nhà văn hóa đã xuống cấp
<b>IV</b>	<b>UBND Phường 5</b>				
3	Nhà văn hóa Khu phố 1	130	Số 26 Trần Phú	100.000.000	Khu vệ sinh hư hỏng, xuống cấp không sử dụng được; tường nhà bị thấm mốc.
4	Nhà văn hóa Khu phố 2	100	Kiệt 104 Tôn Thất Thuyết	50.000.000	Trần tiên sân bị thấm dột, tường bao quanh bị rêu mốc.
5	Nhà văn hóa Khu phố 3	200	Số 15B Lê Hồng Phong	150.000.000	Các hạng mục như mái tôn, hệ thống cửa đã hư hỏng xuống cấp, tường nhà bị rêu mốc
6	Nhà văn hóa Khu phố 4	200	Kiệt 56 Tôn Thất Thuyết	100.000.000	Được xây dựng từ năm 2004, đến nay phần mái tôn hư hỏng thấm dột, tường bao quanh bị rêu mốc.
7	Nhà văn hóa Khu phố 5	120	Kiệt 196 Hàm Nghi	100.000.000	Phần mái bị hư hỏng thấm mốc, hệ thống thoát nước không đảm bảo vệ sinh.
8	Nhà văn hóa Khu phố 7	230	Số 98 Nguyễn Chí Thanh	200.000.000	Diện tích hội trường nhỏ hẹp, không đảm bảo nhu cầu hội họp của nhân dân, cần được đầu tư cải tạo, mở rộng; xây dựng lại khu vệ sinh.



9	Nhà văn hóa khu phố 8	150	Khu phố 8	150.000.000	Được xây dựng từ 2003, đã xuống cấp; sân bê tông chưa được đầu tư xây dựng.
10	Nhà văn hóa khu phố 10	162	Kiệt 185 Hàm Nghi	100.000.000	Mái lợp tôn bị xuống cấp, tường bị rêu mốc.
11	Nhà văn hóa khu phố 11	200	Đường Hàn Mặc Tử	100.000.000	Khu vệ sinh đã xuống cấp; sân bê tông chưa được đầu tư.
<b>V</b>	<b>UBND phường Đông Giang</b>				
12	Nhà văn hóa khu phố 2	80	Khu phố 2	200.000.000	Các hạng mục nhà văn hóa đã xuống cấp.
13	Nhà văn hóa khu phố 4	90	Khu phố 4	250.000.000	Các hạng mục nhà văn hóa đã xuống cấp; chưa có sân bê tông, nhà vệ sinh.
14	Nhà văn hóa khu phố 6	80	Khu phố 7 cũ	220.000.000	Nhà văn hóa xuống cấp
15	Nhà văn hóa khu phố 5	117	Khu phố 5	120.000.000	Chưa có sân bê tông và nhà vệ sinh.
<b>VI</b>	<b>UBND phường Đông Thanh</b>				
16	Nhà văn hóa khu phố 2	120	Khu phố 2	500.000.000	Hoàn thiện các hạng mục phụ trợ, sửa chữa nâng cấp.
17	Nhà văn hóa khu phố 3	126	Khu phố 3	500.000.000	Hoàn thiện các hạng mục phụ trợ, sửa chữa nâng cấp.
18	Nhà văn hóa khu phố 4	151	Khu phố 4	500.000.000	Hoàn thiện các hạng mục phụ trợ, sửa chữa nâng cấp.
19	Nhà văn hóa khu phố 6	123	Khu phố 5	500.000.000	Hoàn thiện các hạng mục phụ trợ, sửa chữa nâng cấp.
<b>VII</b>	<b>UBND phường Đông Lễ</b>				
20	Nhà văn hóa Khu phố Lương An	609	Khu phố Lương An	240.000.000	Nhà văn hóa trước đây xây dựng chưa hoàn chỉnh các hạng mục nhà vệ sinh, sân bê tông.
21	Nhà văn hóa khu phố 1	150	Khu phố 1	700.000.000	Đã xuống cấp, quy mô không phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện tại.
22	Nhà văn hóa khu phố Phương Gia	450	Khu phố Phương Gia	150.000.000	Chưa có sân bê tông

<b>VIII UBND phường Đông Lương</b>				
23	Nhà văn hóa khu phố Đại Áng	140	Khu phố Đại Áng	Hệ thống cửa đã xuống cấp, màu sơn nhà văn hóa đã phai mờ
24	Nhà văn hóa khu phố Trung Chí	NVS 8m <sup>2</sup>	Khu phố Trung Chí	Nhà vệ sinh đã xuống cấp
25	Nhà văn hóa khu phố 1	Sân khấu 25m <sup>2</sup> Nhà vệ sinh 20m <sup>2</sup>	Khu phố 1	Sân khấu của hội trường chưa có, màu sơn nhà văn hóa đã phai mờ; chưa có nhà vệ sinh và hệ thống thoát nước
26	Nhà văn hóa khu phố Vĩnh Phước	Mái hiên 50m <sup>2</sup> Cánh gà 8m <sup>2</sup> NVS 15m <sup>2</sup>	Khu phố Vĩnh Phước	Đã xuống cấp
27	Nhà văn hóa khu phố 3	Mở rộng 60m <sup>2</sup> Sân 550m <sup>2</sup>	Khu phố 3	Mở rộng thêm diện tích vì số lượng người sinh hoạt văn hóa tăng; chưa có sân bê tông
28	Nhà văn hóa khu phố 2	96	Khu phố 2	Đã xuống cấp, sửa chữa các cửa chính, cửa phụ, cửa sổ và nền gạch, mái tôn.
29	Nhà văn hóa khu phố Tân Vĩnh	Sân 400m <sup>2</sup>	Khu phố Tân Vĩnh	Xây dựng mới sân bê tông
30	Nhà văn hóa khu phố Lai Phước	Sân 546m <sup>2</sup>	Khu phố Lai Phước	Xây dựng mới sân bê tông
<b>Tổng cộng</b>				<b>7.572.200.000</b>

**Ghi chú:** Ngoài danh mục nhà văn hóa, hạng mục phụ trợ nhà văn hóa đã khảo sát, tùy theo nhu cầu của nhân dân để lựa chọn, bổ sung danh mục xã hội hóa.